

Bản án số: **538/2017/HNGĐ - ST**

Ngày 28-7-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cù Thị Phương Trang;

2. Ông Phan Thành Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2017/QĐXX – ST ngày 21/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2017/QĐST - HNGĐ ngày 10/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thùy L, sinh năm 1983.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Từ Đức T, sinh năm 1983.

(Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

Cùng thường trú: Đường H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Dương Thùy L trình bày: Tôi và ông Thành chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 5, Quận 10. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà L xác định bà và ông T có 01 con chung là Từ Dương Bảo Ngọc, sinh ngày 22/10/2008. Bà L nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Từ Đức T nhưng ông không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án lần nào. Tòa án cũng đã tiến hành ba phiên hòa giải nhưng không hòa giải được, do bà L có mặt, còn ông T vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa hôm nay, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Do bị đơn ông Từ Đức T cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10. Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Từ Đức T và bà Dương Thùy L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2007 cấp ngày 17/9/2007. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, bà L trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do ông T không chăm lo cuộc sống gia đình về kinh tế cũng như tinh thần, thường xuyên đi nhậu, lười lao động.

Căn cứ lời khai của người thân sống cùng địa chỉ với ông bà cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà L và ông T rất nghiêm trọng, nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gổ.

Về phía ông T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông T không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa trình bày ý kiến, nguyện vọng, thể hiện tình cảm và mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Điều này cho thấy ông T không tôn trọng pháp luật và không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng.

Do đó, xét thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà L và Giấy khai sinh ngày 28/10/2008, của Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh thì bà L và ông T có 01 con chung là Từ Dương Bảo Ngọc, sinh ngày 22/10/2008. Bà L nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Vì ông T không có ý kiến, yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà L. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời khai của bà L xác nhận thì vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, do Tòa án không tiến hành ghi lời khai của ông T được nên chưa có đủ căn cứ xác định vợ chồng có tài sản chung hay không. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Bà Dương Thùy L được ly hôn với ông Từ Đức T (Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số: 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 10 cấp ngày 17/9/2007).

- Về con chung: Giao con chung là Từ Dương Bảo Ngọc, sinh ngày 22/10/2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông Thành không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Dương Thùy L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001054 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- UBND Phường 5, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hiếu Hạnh